

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 308/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1714/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ thường trú: 165/36/19 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 507/42 H, khu phố 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Đình P**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ thường trú: 165/36/19 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 507/42 H, khu phố 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Đặng Đình P kết hôn vào năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2010, quyển số 1/2010 do UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do rất nhiều lần ông P đi nhậu say về kiếm chuyện chửi mắng đánh đuổi bà ra khỏi nhà trong đêm khuya. Do không chịu đựng được mâu thuẫn giữa đôi bên nên năm 2016 bà đã nộp đơn đến tòa để xin ly hôn với ông P. Sau đó, vì muốn cho đôi bên cơ hội hàn gắn để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nên bà đã xin rút lại đơn xin ly hôn. Từ khi đôi bên chung sống trở lại, ông P vẫn không thay đổi tính tình. Đỉnh điểm là năm 2019 thì mâu thuẫn giữa bà và ông P ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà xác định đôi bên không thể nào hàn gắn được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà yêu cầu tòa án cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Đặng Nguyễn Nhất Huy, sinh ngày 11/5/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu đôi bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Bị đơn ông Đặng Đình P có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 như sau:

Ông xác nhận thời gian kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời trình bày của bà T. Theo ông còn có nguyên nhân mâu thuẫn khác là do bà T không quan tâm chăm sóc cho gia đình, ngoài ra bà T còn không cho ông cơ hội để vợ chồng có không gian riêng để cùng trò chuyện và thấu hiểu nhau hơn.

Theo yêu cầu ly hôn của bà T thì ông không đồng ý. Theo ông, những mâu thuẫn này chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, không thể dẫn đến việc vợ chồng phải ly hôn. Ông có yêu cầu được đoàn tụ với bà T.

Nếu tòa án cho bà T được ly hôn với ông, thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, ông tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu đôi bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu. Bị đơn ông Đặng Đình P vẫn kiên quyết yêu cầu được đoàn tụ với bà T. Nếu tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin ly hôn với ông Đặng Đình P. Bị đơn ông P có nơi cư trú tại 507/42 H, khu phố 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng có mặt, căn cứ vào các Điều 225, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trên.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đặng Đình P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua lời trình bày của bà T thì sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do rất nhiều lần ông P đi nhậu say về kiếm chuyện chửi mắng đánh đuổi bà ra khỏi nhà trong đêm khuya, bà T đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông P vẫn không thay đổi, đôi bên không tìm được tiếng nói chung. Do không chịu đựng được mâu thuẫn giữa đôi bên nên năm 2016 bà T đã nộp đơn đến tòa đề xin ly hôn với ông P. Sau đó, vì muốn cho đôi bên cơ hội hàn gắn để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nên bà T đã xin rút lại đơn xin ly hôn. Từ khi đôi bên chung sống trở lại, ông P vẫn không thay đổi tính tình. Đỉnh điểm là năm 2019 thì mâu thuẫn giữa bà T và ông P ngày càng trầm trọng hơn.

Tại phiên tòa, bà T xác định bản thân không còn tình cảm với ông P nữa nên bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P. Ông P không đồng ý ly hôn với bà T, nhưng ông P không có biện pháp nào để hàn gắn vợ chồng trở lại chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt đối với con cái. Xét về yêu cầu nuôi con chung của bà T, tại phiên tòa ông P trình bày nếu tòa án cho ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Đôi bên yêu cầu tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 225, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Đặng Đình P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Đặng Đình P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2010, quyển số 1/2010 do UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2010 cho bà

Nguyễn Thị Thanh T và ông Đặng Đình P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Đặng Nguyễn Nhất Huy, sinh ngày 11/5/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc không yêu cầu ông Đặng Đình P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Đình P có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà T và ông P đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên yêu cầu tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0064341 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH.

Lưu Kim Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Kim Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Kim Ngân

